TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tiệm
2. Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 20121 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu 02, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu 02, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ
- *Người đại diện theo pháp luật cho anh T:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955 (mẹ đẻ anh T)
Địa chỉ: Khu 02, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Chị T có mặt, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2012 anh T bị tai biến mạch máu

não, để lại di chứng không nói, không viết, không làm chủ được hành vi, đi lại khó khăn, thường xuyên cáu gắt vô cớ. Do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, còn anh T ở cùng bố mẹ đẻ. Đến nay chị thấy mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được nên chị xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 05/12/2002 và Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/6/2004. Sau khi ly hôn cháu T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không phải giải quyết. Chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện cho anh T là bà Nguyễn Thị N xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày. Do anh T bị tai biến mạch máu não để lại di chứng, không nói, không viết được, không làm chủ được hành vi, chân tay bị khòng, đi lại khó khăn, nên từ năm năm 2012 đến nay vợ chồng bà phải chăm sóc, còn chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, hai người không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị T xin ly hôn bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Về con chung, vợ chồng anh T có 02 con chung như chị T trình bày. Sau khi ly hôn do anh T bị bệnh tật, nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Bà N cũng xác nhận vợ chồng anh T không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Cháu Bùi Văn T, sinh ngày 05/12/2002 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không phải giải quyết. Giao cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/6/2004, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Lê Thị T cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Bùi Văn T cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T bị tai biến mạch máu não, để lại di chứng không nói, không viết được, không nhận thức, làm được hành vi của mình, nên

theo quy định tại các Điều 47, 48, 49, 53, 136 của Bộ luật dân sự, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh T, là người đại diện theo pháp luật cho anh T trong vụ án ly hôn. Đồng thời cũng không ai đề nghị Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện cho anh T là bà Nguyễn Thị N xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2002 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2012 anh Trọng bị tai biến mạch máu não, di chứng không nói, không viết được, không tự chủ được hành vi của mình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không có trách nhiệm với nhau. Chính quyền địa phương xã P và bà Nguyễn Thị N cũng xác nhận về quan hệ hôn nhân của chị T và anh T. Xét thấy mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tân.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung. Cháu Bùi Văn T, sinh ngày 05/12/2002 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không phải giải quyết. Do anh T bị bệnh tật, nguyện vọng của cháu L cũng xin được ở với mẹ, nên sau khi ly hôn sẽ giao cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/6/2004, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi thành niên. Việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị T và bà N đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Cháu Bùi Văn T, sinh ngày 05/12/2002 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không phải giải quyết. Giao cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 08/6/2004, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0002613 ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Vũ Thường